

Bản án số: 162/2026/HS-PT

Ngày: 06/4/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Chương

Ông Nguyễn Thanh Nhã

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Minh Chính – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Lý Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06/4/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2026/TLPT-HS ngày 02/02/2026 do có kháng cáo của bị hại Vũ Văn B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 304/2025/HS-ST ngày 25/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử phúc thẩm số 60/2026/QĐXXPT-HS ngày 23/02/2026 đối với:

- *Bị cáo không có kháng cáo:* Đoàn Tuấn A, sinh năm 1978; Đăng ký thường trú: Địa chỉ 01; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Bá L và con bà Phạm Thị M; Vợ là Nguyễn Thị N (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm NS1, con nhỏ sinh năm NS2; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 01/2007/HSST ngày 27/4/2007, Tòa án quân sự - Quân khu thủ đô Hà Nội xử phạt 14 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; Bản án số 35/2025/HS-ST ngày 25/02/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015; Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam số 5 – Bộ Công an; trích xuất về Trại tạm giam số 1 – Công an Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo:* Ông Vũ Văn B, sinh năm 1975; Đăng ký thường trú: Địa chỉ 02. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Vũ Văn B:* Luật sư Hoàng Đức E - Công ty Luật 02 – Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1987; Đăng ký thường trú: Địa chỉ 03. Vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn D: Luật sư Đỗ Việt F và Luật sư Lê Thị G – Công ty Luật 03. Luật sư Lê Thị G có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Vũ Văn B và ông Phùng Văn C (Sinh năm 1976; Đăng ký thường trú: Địa chỉ 04) là bạn bè với nhau. Ngày 15/3/2017, ông B và ông C ký kết “Hợp đồng hợp tác kinh doanh” số HĐ 01 với nhau về việc cho thuê xe tự lái và ông B góp tiền với Công ty 01 (Mã số thuế: MST 01; địa chỉ trụ sở: Địa chỉ 05, do ông Phùng Văn C là Giám đốc - người đại diện pháp luật) để mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát X, tiền mua xe do ông bỏ ra số tiền 920.000.000 đồng góp vào mua còn Công ty 01 đứng tên chủ sở hữu chiếc xe, trên thực tế ông B là người quản lý và có quyền định đoạt chiếc xe trên, ông C sẽ hỗ trợ thủ tục chuyển nhượng sang tên chủ xe theo yêu cầu của ông B.

Vào tháng 9/2021, do ông B không có nhu cầu sử dụng chiếc xe ô tô này nữa nên ông B muốn bán chiếc xe ô tô trên, thông qua bạn bè giới thiệu ông B biết đến Đoàn Tuấn A làm nghề mua bán ô tô cũ và có nhờ A bán hộ chiếc xe ô tô trên với giá 500.000.000 đồng, việc thỏa thuận mua bán giữa ông B và A đều là qua lời nói không có văn bản. Trong thời gian tìm khách mua xe thì A muốn thuê chiếc xe trên, nên vào ngày 26/9/2021 tại Địa chỉ 05, Công ty 01 (đại diện là ông Phùng Văn C - Giám đốc) đã ký kết “Hợp đồng cho thuê xe tự lái (số: HĐ 02)” với Đoàn Tuấn A để cho A thuê chiếc xe ô tô trên với giá 21.000.000 đồng/tháng, thời hạn thuê xe từ ngày 26/9/2021 đến ngày 26/10/2021. Sau đó, A nhận xe và giấy tờ xe bản gốc, tiền thuê xe A đã thanh toán bằng tiền mặt cho ông B. Sau khi nhờ A bán xe, ông B đã báo lại với ông C về sự việc trên thì ông C đồng ý, toàn bộ lợi nhuận từ việc bán xe ô tô sẽ thuộc về ông B vì ông B góp toàn bộ tiền mua chiếc xe ô tô trên.

Sau đó, A đã liên hệ với khách cần mua xe là ông Nguyễn Văn D (Sinh năm 1987; Nơi thường trú: Địa chỉ 03). A thỏa thuận bán chiếc xe ô tô trên cho ông D với giá 468.000.000 đồng, do chủ đăng ký xe ô tô nêu trên là Công ty 01 nên A nói với ông D rằng: “Đây là xe ô tô của ông anh bên quân đội nhờ bán hộ, sau khi ông D thanh toán đủ tiền mua xe thì A sẽ hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng sang tên xe theo yêu cầu của ông D”. Do thời điểm này đang bùng phát dịch bệnh Covid, ông D không đi xuống Hà Nội được nên việc mua bán chiếc xe ô tô trên chỉ trao đổi qua điện thoại, không có giấy tờ mua bán. Sau khi thống nhất và tin tưởng A, ông D đã chuyển khoản nhiều lần cho A để thanh toán tiền mua xe ô tô và cho A vay tiền. Từ ngày 06/9/2021 đến ngày 24/11/2021, ông D đã chuyển khoản số tiền 521.000.000 đồng (trong đó: 468.000.000 đồng là tiền ông D trả tiền mua xe ô tô, còn 53.000.000 đồng là tiền ông D cho A vay riêng hỗ trợ việc đi lại trong đợt dịch bệnh Covid-19) vào số tài khoản STK 01 của Đoàn Tuấn A mở tại ngân hàng Techcombank. Sau đó, ông D có nhờ người quen là ông Nguyễn Quốc H (Sinh năm 1984; Nơi thường trú: Địa chỉ 07) đến xem chất lượng xe ô tô và nhận xe, A

đã giao xe ô tô cùng với giấy tờ xe (gồm: Giấy đăng ký xe, giấy đăng kiểm xe) cho ông H tại địa điểm 09 để ông H giao lại xe ô tô cùng giấy tờ xe cho ông D tại địa điểm 10. Sau đó, A đã chuyển khoản trả lại cho ông D số tiền 35.000.000 đồng, số tiền còn lại là 18.000.000 đồng cho đến nay A vẫn chưa trả cho ông D, hai bên thống nhất sẽ tự giải quyết số tiền nợ này với nhau.

Sau khi bán được xe cho ông D, A nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền bán xe của ông B nên A báo lại với ông B là đã bán được xe ô tô cho khách và đưa ra thông tin gian dối là lấy lý do bên mua chưa trả đủ tiền nên chưa đưa tiền cho ông B. Sau đó, ông B có nhiều lần đòi tiền thì A đã chuyển khoản trả tiền bán xe cho ông B 04 lần từ ngày 07/10/2021 đến ngày 23/08/2023 qua số tài khoản STK 02 của ông Vũ Văn B mở tại ngân hàng MBBank, tổng số tiền là 120.000.000 đồng, lần 1: A chuyển cho ông B số tiền 30.000.000 vào ngày 07/10/2021; lần 2: A chuyển cho ông B số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 18/5/2022; lần 3: A chuyển cho ông B số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 06/6/2022; lần 4: A chuyển cho ông B số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 23/8/2023. Các lần chuyển tiền thứ nhất, thứ hai, thứ ba thì A mượn tài khoản ngân hàng số STK 03 mở tại ngân hàng MBBank của chị Nguyễn Thị K (Sinh năm 1987; Nơi thường trú: Địa chỉ 06) là người quen của A để chuyển khoản cho ông B.

Đối với số tiền 348.000.000 đồng còn lại, thì A đã tiêu xài cá nhân và sử dụng vào việc chơi lô đề, cờ bạc qua mạng nên không có khả năng trả cho ông B. Ông B đã nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin qua Zalo với A yêu cầu A trả nốt số tiền bán xe còn thiếu là 380.000.000 đồng vì A hứa sẽ bán xe ô tô cho ông B với giá là 500.000.000 đồng, nhưng A do không có khả năng trả lại số tiền cho ông B nên A đều nói dối, trốn tránh và đưa ra nhiều lý do để không trả tiền cho ông B. Đến ngày 12/10/2024, Đoàn Tuần A bị Công an tỉnh Thanh Hoá bắt về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” trong vụ án khác.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát X. Sau khi ông D mua được chiếc xe ô tô trên từ A, ông D sử dụng một thời gian rồi bàn giao xe ô tô này cho ông Nguyễn Văn I (Sinh năm 1984; Nơi thường trú: Địa chỉ 08) là anh trai của ông D để quản lý và sử dụng do trong quá trình mua xe ô tô, ông I góp số tiền 420.000.000 đồng đưa cho ông D để mua chiếc xe ô tô trên từ Đoàn Tuần A. Đến khoảng tháng 11/2024, ông I có nhu cầu sang tên chiếc xe ô tô trên nên đã nhờ ông D hỏi A về giấy tờ mua bán nhưng không liên lạc được với A. Sau đó, ông D bàn với ông I đưa toàn bộ giấy tờ liên quan đến chiếc xe cùng hồ sơ gốc của chiếc xe ô tô trên đem về Công an huyện Yên Lập, Phú Thọ (cũ) để làm thủ tục sang tên. Cũng thời điểm này, ông Vũ Văn B và ông Phùng Văn C phát hiện ra sự việc chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát X đang được làm thủ tục sang tên nên đã đến Công an quận Đống Đa (cũ) để trình báo sự việc, đồng thời Công ty 01 đã có công văn gửi đến Công an huyện Yên Lập (cũ) đề nghị tạm dừng thủ tục sang tên, chuyển nhượng đối với chiếc xe ô tô trên.

* Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ của ông Nguyễn Văn I: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát X; 01 giấy chứng nhận kiểm

định chiếc xe ô tô trên.

Tại Cơ quan điều tra, Đoàn Tuấn A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với hành vi A sử dụng số tiền bán xe để chơi cờ bạc qua mạng. Tại Cơ quan điều tra, A khai do thời gian xảy ra đã lâu. A không còn nhớ trang web, thông tin tài khoản đánh bạc. Do đó, Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý Đoàn Tuấn A về hành vi đánh bạc.

Đối với chị Nguyễn Thị K là người cho A mượn tài khoản ngân hàng để chuyển khoản số tiền bán xe cho ông B. Tại Cơ quan điều tra, chị K khai chị K quen biết A từ lâu nên cho A mượn tài khoản ngân hàng để chuyển khoản, chị K không biết việc thỏa thuận mua bán xe ô tô của A và không hưởng lợi gì từ A. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị K.

** Về trách nhiệm dân sự:*

- Bị hại là ông Vũ Văn B có đơn yêu cầu bồi thường đề ngày 22/11/2025 trình bày: Ông là chủ sở hữu hợp pháp đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát X do Công ty 01 đứng tên, sau đó Công ty 01 đã bán thanh lý cho ông. Ông B đề nghị được nhận lại chiếc xe. Trường hợp được nhận lại chiếc xe trên, ông sẵn sàng hoàn trả lại số tiền bán xe 120 triệu đồng đã nhận của bị cáo A. Đối với thiệt hại trong thời gian chiếc xe bị bán, do quá trình trao đổi với A, ông cũng đã có ý định bán chiếc xe trên và yêu cầu A trả nốt số tiền bán xe còn thiếu là 375 triệu đồng để làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên chiếc xe trên đúng pháp luật. Do đó, ông yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại bằng lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với số tiền 375 triệu đồng mà bị cáo chưa hoàn trả cho ông theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 với mức lãi suất là 10%/năm (0,02740%/ngày) kể từ ngày 08/12/2021 đến ngày 22/11/2025 (1.444 ngày), cụ thể số tiền là $375.000.000 \text{ đồng} \times (0,02740\% \times 1.444 \text{ ngày}) = 148.371.000 \text{ đồng}$ và yêu cầu bị cáo tiếp tục phải trả lãi kể từ ngày 23/11/2025 đến ngày Tòa xét xử.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn D cho rằng việc ông D mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát X với Đoàn Tuấn A là ngay tình, nên ông D đề nghị được nhận lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát X. Đối với số tiền 18.000.000 đồng mà Đoàn Tuấn A vay của ông D cho đến nay vẫn chưa trả lại cho ông D là quan hệ dân sự, ông D sẽ tự giải quyết với A.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 304/2025/HS-ST ngày 25/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội đã quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình. Xử phạt bị cáo Đoàn Tuấn A 08 (Tám) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 12 (Mười hai) năm tù của Bản án số 35/2025/HSST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, buộc bị cáo Đoàn Tuấn A phải chấp hành hình phạt chung của cả hai Bản án là 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/10/2024.

Căn cứ: Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 116, Điều 117, Điều 118; Khoản 1 Điều 119; Điều 129, Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Vũ Văn B số tiền: 375.000.000 đồng và số tiền lãi là 151.643.000 đồng. Tổng cộng số tiền buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại là: 526.643.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Trả lại 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova cho ông Nguyễn Văn D. Ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên chiếc xe theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05/01/2026, bị hai ông Vũ Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội nhận định đơn kháng cáo của ông Vũ Văn B làm trong thời hạn luật định, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo về hình thức.

Về tội danh: Đại diện Viện kiểm sát nhận định bị hại Vũ Văn B đã thỏa thuận nhờ bị cáo bán hộ chiếc xe ô tô Toyota Innova BKS X với giá thu về 495.000.000 đồng. Bị cáo đã bán cho ông Nguyễn Văn D với giá 468.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền bán xe chuyển khoản từ ông D, bị cáo đã chuyển khoản trả lại cho ông B số tiền 120.000.000 đồng, số tiền còn lại là 348.000.000 đồng thì bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt nên nói dối ông B là khách mua xe chưa trả đủ tiền; bị cáo sử dụng vào việc ăn chơi cá nhân và không có khả năng trả lại tiền cho ông B. Hành vi của bị cáo Đoàn Tuấn A đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự như Bản án hình sự sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về hình phạt: Bản án sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo và tuyên phạt bị cáo 08 năm tù là phù hợp. Tổng hợp hình phạt 12 năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HSST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, buộc bị cáo Đoàn Tuấn A phải chấp hành hình phạt chung của cả hai Bản án là 20 (Hai mươi) năm tù là đúng pháp luật.

Về xử lý vật chứng và bồi thường dân sự: Đại diện Viện kiểm sát nhận định bị hại nhờ bị cáo đứng ra bán xe là tự nguyện và thỏa thuận thu về 495.000.000 đồng, không quan tâm bị cáo sẽ bán được bao nhiêu. Ông B biết A đã bán được xe và đồng ý làm các thủ tục sang tên cho người mua xe. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bên mua xe là ông D đã trả hết tiền cho A, đã nhận xe và sử dụng ổn định một thời gian. Trong suốt thời gian này, ông B biết việc bán xe mà không phản đối và đã nhận một phần tiền bán xe từ bị cáo (Nhận 4 lần tổng cộng 120 triệu đồng). Ông A không phản đối việc bán xe mà

yêu cầu bị cáo A trả đủ tiền bán xe thì sẽ làm thủ tục sang tên (thể hiện qua nhiều tin nhắn giữa bị cáo A và ông B). Việc các bên mua bán chưa làm thủ tục giấy tờ sang tên đúng quy định là do lỗi của bị cáo A, do hành vi gian dối của bị cáo A đối với cả bên mua và bên bán nhằm chiếm đoạt số tiền bán xe. Mặc dù, các bên không tuân thủ quy định về hình thức, chưa thực hiện được việc làm thủ tục sang tên nhưng các bên chủ thể đã thực hiện ít nhất 2/3 nghĩa vụ trong giao dịch.

Do đó, căn cứ các Điều 119, 129, 223, 430, 433, 434, 441 Bộ luật Dân sự thấy rằng: giao dịch mua bán xe giữa ông Vũ Văn B và bị cáo Đoàn Tuấn A với ông Nguyễn Văn D là giao dịch dân sự hợp pháp theo quy định. Cấp sơ thẩm tuyên trả chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova BKS X cho ông Nguyễn Văn D tiếp tục quản lý và sử dụng là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế khách quan của vụ án. Căn cứ vào thỏa thuận giữa các bên, cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Vũ Văn B số tiền 526.643.000 đồng gồm: 375.000.000 đồng và số tiền lãi là 151.643.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị hại Vũ Văn B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Bị hại Vũ Văn B và Luật sư Hoàng Đức E nhận định bị cáo có hành vi gian dối từ trước khi nhận xe của ông B nên hành vi của bị cáo cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo đã chào bán chiếc xe Inova với giá 468 triệu là thấp hơn giá 500 triệu bị hại B yêu cầu; bị cáo không hỏi ý kiến hay thống nhất với anh B giá bán thấp hơn yêu cầu. Anh B gửi ảnh xe ô tô cho bị cáo A để nhờ bán vào ngày 4/9/2021 và sau 02 ngày thì anh D đã đặt cọc 5 triệu đồng cho bị cáo để mua chiếc xe, thể hiện bị cáo đã lên kế hoạch chiếm đoạt chiếc xe của anh B và tiêu thụ chiếc xe cùng một thời điểm. Ngày 17/9/2021, bị cáo nhận xe và để có giấy tờ xe, bị cáo đã ký Hợp đồng thuê xe với anh B giá 21 triệu/tháng nhằm mục đích lấy được đăng ký gốc và đăng kiểm của chiếc xe để đi bán. Ngày 27/9/2021, bị cáo nhận được 300 triệu của anh D và đã bàn giao xe, giấy tờ xe và sẽ làm thủ tục sang tên cho anh D. Luật sư cho rằng, bị cáo A đã có ý chí và hành vi gian dối để anh B tin tưởng giao xe và giấy tờ xe cho bị cáo. Việc chiếm đoạt xe của anh B và tiêu thụ xe cho anh D diễn ra đồng thời, song song và đan xen nhau với nhau.

Đối với giao dịch mua xe của anh D, cũng không phải là người mua bán ngay tình vì bị cáo không phải chủ sở hữu tài sản, không có giấy ủy quyền về việc mua bán xe, không ký hợp đồng mua bán xe với chủ sở hữu xe. Sau khi nhận xe và đăng ký xe, anh D đã thực hiện thủ tục thu hồi Biển kiểm soát và sang tên xe trái quy định. Luật sư đề nghị tuyên bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và trả lại chiếc xe cho ông B.

- Luật sư Lê Thị G bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn D trình bày: Việc ông Vũ Văn B nhờ A bán hộ chiếc ô tô là tự nguyện, bị cáo không có thủ đoạn gian dối từ trước để nhận tài sản. Sau khi nhận xe và giấy tờ xe bản gốc từ ông B, A đã thỏa thuận bán xe cho ông Nguyễn Văn D với giá 468.000.000 đồng. Giao dịch mua bán xe giữa ông D với bị cáo A và ông B là giao dịch dân sự

tự nguyện, hợp pháp, ngay tình giữa các bên. Ông D đã trả hết tiền, đã nhận xe và sử dụng ổn định một thời gian. Trong suốt thời gian này, ông B biết việc bán xe mà không phản đối và đã nhận tiền bán xe 4 lần tổng cộng 120 triệu đồng. Ông B không phản đối việc bán xe mà yêu cầu bị cáo A trả đủ tiền bán xe thì sẽ làm thủ tục sang tên, ý chí của ông B được thể hiện qua rất nhiều tin nhắn giữa bị cáo A và ông B.

Luật sư cho rằng Bản án sơ thẩm đã xác định đúng bản chất quan hệ pháp luật trong giao dịch mua bán xe và quyết định phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và bảo vệ người thứ ba ngay tình. Mặc dù các bên không tuân thủ quy định về hình thức, chưa thực hiện được việc làm thủ tục sang tên nhưng các bên chủ thể đã thực hiện ít nhất 2/3 nghĩa vụ trong giao dịch. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại Vũ Văn B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án, các Cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị hại ông Vũ Văn B có kháng cáo là hợp lệ, được chấp nhận về hình thức.

[2] Về tội danh, hình phạt:

Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; căn cứ các vật chứng thu giữ, các tin nhắn, các giao dịch chuyển khoản, các kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 9/2021, do không có nhu cầu sử dụng chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova BKS X, nên ông Vũ Văn B nhờ Đoàn Tuấn A bán hộ chiếc xe ô tô trên, thỏa thuận ông B thu về 495.000.000 đồng tiền bán xe. Sau đó, Đoàn Tuấn A đã bán chiếc xe ô tô trên với giá 468.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn D. Sau khi nhận được tiền bán xe chuyển khoản từ ông D, A chuyển khoản trả lại cho ông B số tiền 120.000.000 đồng, số tiền còn lại là 348.000.000 đồng thì A nảy sinh ý định chiếm đoạt của của ông B bằng cách đưa ra thông tin gian dối là khách mua xe chưa trả đủ tiền. A đã sử dụng số tiền này vào việc ăn chơi cá nhân hết dẫn đến không có khả năng trả lại tiền cho ông Vũ Văn B.

Ông Vũ Văn B biết bị cáo Đoàn Tuấn A làm nghề mua bán ô tô cũ và đã nhờ bị cáo Đoàn Tuấn A bán xe ô tô và tự nguyện giao xe cho Đoàn Tuấn A để bán hộ. Bị cáo không dùng thủ đoạn gian dối từ trước, không đưa ra thông tin gian dối để nhận tài sản, việc bị cáo mang xe đi bán là được sự đồng ý của ông B.

Sau khi bán xe cho ông Nguyễn Văn D, nhận tiền từ người mua, bị cáo chỉ thanh toán lại cho ông B 120.000.000 đồng, số tiền còn lại 348.000.000 đồng bị cáo chiếm giữ, sử dụng vào mục đích cá nhân, cờ bạc và không còn khả năng thanh toán; đồng thời bị cáo đưa ra thông tin gian dối rằng bên mua chưa trả đủ

tiền nhằm kéo dài thời gian, trốn tránh nghĩa vụ trả tiền để chiếm đoạt tài sản.

Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp “Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 304/2025/HS-ST ngày 25/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội đã đánh giá toàn diện tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Áp dụng khoản 3 Điều 175; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Tuấn A 08 (Tám) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là phù hợp, có căn cứ, đúng pháp luật.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 12 năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HSST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, buộc bị cáo Đoàn Tuấn A phải chấp hành hình phạt chung của cả hai Bản án là 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/10/2024.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Bản án sơ thẩm nhận định: Giao dịch mua bán xe giữa ông Vũ Văn B với bị cáo Đoàn Tuấn A và ông Nguyễn Văn D là giao dịch dân sự xuất phát từ thỏa thuận, tự nguyện giữa các bên phù hợp với quy định tại các Điều 116, Điều 117, Điều 118 và khoản 1 Điều 119 của Bộ luật Dân sự nên là giao dịch dân sự hợp pháp.

Bị hại ông Vũ Văn B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền gốc 375.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 151.643.000 đồng, tổng cộng 526.643.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Tuấn A đồng ý bồi thường cho bị hại ông Vũ Văn B tổng số 526.643.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm đã buộc bị cáo Đoàn Tuấn A phải bồi thường cho bị hại Vũ Văn B số tiền 526.643.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng khác có trong hồ sơ cho thấy giao dịch mua bán xe ô tô là thống nhất ý chí tự nguyện thỏa thuận đã được các bên thừa nhận là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bên mua ông Nguyễn Văn D đã trả hết tiền, đã nhận xe và sử dụng ổn định một thời gian. Trong suốt thời gian này, bên bán ông Vũ Văn B biết việc bán xe mà không phản đối và đã nhận tiền bán xe 4 lần tổng cộng 120.000.000 đồng. Bên bán không phản đối việc bán xe mà yêu cầu bị cáo Đoàn Tuấn A trả đủ tiền bán xe 500 triệu thì sẽ làm thủ tục sang tên (thể hiện qua rất nhiều tin nhắn giữa bị cáo A và ông B).

Việc các bên mua bán xe chưa làm thủ tục giấy tờ sang tên đúng quy định là do lỗi của bị cáo A, do hành vi gian dối của bị cáo A đối với cả bên mua và bên bán nhằm chiếm đoạt số tiền bán xe. Mặc dù các bên không tuân thủ quy định về hình thức, chưa thực hiện được việc làm thủ tục sang tên nhưng các bên chủ thể đã

thực hiện ít nhất 2/3 nghĩa vụ trong giao dịch. Bản án sơ thẩm đã công nhận giao dịch mua bán xe giữa ông Vũ Văn B và bị cáo Đoàn Tuấn A với ông Nguyễn Văn D là giao dịch dân sự hợp pháp theo quy định. Do đó, xét đề nghị giao chiếc xe ô tô Toyota Innova BKS X cho ông Nguyễn Văn D tiếp tục quản lý và sử dụng là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế khách quan của vụ án.

Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm: Trả lại 01 chiếc xe ô tô Toyota Innova BKS X cho ông Nguyễn Văn D. Ông Nguyễn Văn D căn cứ vào quyết định của bản án hình sự phúc thẩm này, có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên chiếc xe theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm:

Bị cáo không kháng cáo và kháng cáo của bị hại về tội danh, hình phạt không được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị hại kháng cáo về tội danh, trách nhiệm bồi thường dân sự và xử lý vật chứng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 304/2025/HS-ST ngày 25/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội, cụ thể:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Tuấn A phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 3 Điều 175; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Tuấn A 08 (Tám) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 12 (Mười hai) năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HSST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, buộc bị cáo Đoàn Tuấn A phải chấp hành hình phạt chung của cả hai Bản án là 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/10/2024.

[2] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng các Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 116, Điều 117, Điều 118 và khoản 1 Điều 119; Điều 129; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Đoàn Tuấn A phải bồi thường cho bị hại Vũ Văn B số tiền: 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi là 151.643.000 đồng (Một trăm năm mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Tổng cộng số tiền buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại là: 526.643.000 đồng (Năm trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova màu đồng không gắn biển kiểm soát, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng cho ông Nguyễn Văn D. Ông Nguyễn Văn D căn cứ vào quyết định của bản án hình sự phúc thẩm này, có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên chiếc xe theo đúng quy định của pháp luật.

Tình trạng vật chứng như Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 101 ngày 09/12/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Thành phố Hà Nội.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị hại không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Về hiệu lực thi hành bản án: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- CQCSĐT thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 2 – Hà Nội;
- TAND khu vực 2 – Hà Nội;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Luật sư;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Hiếu